

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2021/DS-PT

Ngày: 26-10-2021

V/v: “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền,
tranh chấp giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyến

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Bà Trương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 150/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, tranh chấp giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 294/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1958

Địa chỉ: phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tuấn K** – sinh năm 1973

Địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2018).

Có mặt

2. Bị đơn: **Ngân hàng TMCP N**

Trụ sở: quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H - P.Giám đốc Chi nhánh C (văn bản ủy quyền ngày 17/12/2018). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Tr**, luật sư, Đoàn luật sư tỉnh H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cục Thi hành án dân sự thành phố C

- *Người đại diện:* Ông Nguyễn Minh Ng - Chấp hành viên (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019). Có mặt

3.2. Bà Bành Kim C, sinh năm 1956;

3.3. Ông Phạm Huy Hg, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

3.4. Ông Ngô Thanh L, sinh năm 1978

Địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

3.5. Bà Nguyễn Song N, sinh năm 1982

Địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

3.6. Văn Phòng Công Chứng H

Địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện: Ông Nguyễn Giang N (văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021).
Đề nghị xét xử vắng mặt

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ngân hàng TMCP N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2010 bà Nguyễn Ngọc D trình bày như sau:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 132/2009/DSST ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân quận N tuyên xử: Bà Bành Kim C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền 2.242.500.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định. Sau khi bản án có hiệu lực, bà có làm đơn yêu cầu thi hành án và chỉ rõ tài sản của bà Bành Kim C là phần đất 278m², thửa đất số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL469744 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 17/12/2007 cho bà Bành Kim C.

Sau đó, bà được biết bà Bành Kim C và ông Phạm Huy H đã ủy quyền cho ông Ngô Thanh L, Hợp đồng ủy quyền số 708 ngày 09/9/2008 giữa bên ủy quyền là bà Bành Kim C và ông Phạm Huy H, bên nhận ủy quyền là ông Ngô Thanh L, với nội dung ủy quyền là ông L được quyền mua bán, tặng cho, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất sau khi trả dứt nợ cho ngân hàng (công chứng tại Văn phòng Công chứng H) đối với phần đất 331,2m² đất của bà C là không hợp pháp với các lý do sau:

- Chữ ký của bà Bành Kim C và ông Phạm Huy H hoàn toàn khác với các chữ ký của chính ông H và bà C tại các hợp đồng vay tiền và thế chấp còn lưu tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Cần Thơ.

- Nội dung ủy quyền cho phép ông L được định đoạt tài sản của ông H và bà C là không hợp pháp vì tại thời điểm ký kết hợp đồng ủy quyền, ngay cả ông H và bà C cũng không có quyền định đoạt bởi tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay 2.200.000.000đ của bà Nguyễn Song N.

- Việc sửa đổi, bổ sung nội dung quan trọng (ghi thêm: “*sau khi trả dứt nợ ngân hàng*”) ảnh hưởng đến nội dung của hợp đồng ủy quyền, nhưng Văn phòng Công chứng H thực hiện không đúng quy định về trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 44 và 45 của Luật Công chứng.

- Hợp đồng được công chứng ngày 09/9/2008, là thời điểm ông H và bà C vẫn còn nghĩa vụ phải đảm bảo cho khoản vay 2.200.000.000đ cho bà Nguyễn Song N, nên tuyệt đối không thể ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản đã thế chấp.

Hậu quả là do có hợp đồng ủy quyền này, nên ngày 15/5/2009 ông Ngô Thanh L gửi đơn đến Ngân hàng xin phát mãi phần đất đang thế chấp để thanh toán phần nợ vay của bà Nguyễn Song N, trong đó có cả khoản vay khác không có tài sản không thế chấp.

Ngày 03/7/2009 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Cần Thơ bán đấu giá phần đất thế chấp với giá 5.275.000.000đ. Theo hợp đồng bảo lãnh, Ngân hàng chỉ được giữ lại phần giá trị mà bà Cúc bảo lãnh là 2.200.000.000đ, phần còn lại phải giao lại cho Cơ quan thi hành án để thi hành án cho bà theo Bản án số 132/2009/DSST ngày 22/5/2009 đã có hiệu lực pháp luật, thế nhưng Ngân hàng đã giữ lại toàn bộ số tiền trên làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của phía nguyên đơn.

Bà D yêu cầu tòa án xem xét hủy hợp đồng ủy quyền số 708.

Ngày 06/5/2011, bà Dung có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với Ngân hàng, yêu cầu Ngân hàng phải giao trả khoản tiền phát mãi tài sản của ông Hoàng, bà Cúc là 2.800.000.000đ để Thi hành án cho bà D.

Ngày 11/6/2013, bà D có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng ủy quyền số 708 ngày 09/9/2008.

Ngày 11/10/2018 và ngày 03/3/2019, bà D có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với Ngân hàng, cụ thể yêu cầu Ngân hàng giao trả số tiền phát mãi tài sản của bà C là 1.183.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 05/02/2010 (ngày nộp đơn khởi kiện) cho đến khi hoàn trả đủ tiền cho Cơ quan thi hành án.

- Ông Nguyễn Minh Ng – Đại diện Cục Thi hành án dân sự trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2009/DSST ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân quận N thì Bà Bành Kim C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền 2.242.500.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định. Trong quá trình tổ chức thi hành Chấp hành viên đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; tuy nhiên, qua xác minh được biết bà C không còn tài sản để thi hành án nên Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định số 14/QĐ-THA để trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho bà Nguyễn Ngọc Dung.

Theo yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc D, ngày 02/5/2018 Cục Thi hành án dân sự ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 248/QĐ-CTHA. Qua hoạt động thi hành án, Chấp hành viên được biết bà C có tài sản là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 37, diện tích 278m², tọa lạc tại đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận số AL469744, sổ vào sổ H02412 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 17/12/2007, tài sản này trước đây thế chấp tại Ngân hàng.

Để đảm bảo việc thi hành án, chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ yêu cầu Tòa án giải quyết: Nếu có căn cứ xác định số tiền tranh chấp là của bà C thì buộc Ngân hàng giao số tiền trên cho Cục thi hành án dân sự thành phố để đảm bảo thi hành Bản án số 132/DSST ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân quận N.

- Ngân hàng trình bày:

Ngày 22/5/2008, bà Bành Kim C, ông Phạm Huy H và Ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 60/NHNT. Nội dung của hợp đồng là ông H, bà C thế chấp tài sản là quyền sử dụng 278m² đất T và 53,2m² đất CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL469744, sổ vào sổ H02412 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 17/12/2007 để đảm bảo nợ gốc, lãi (nếu có) theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bên A (Ngân hàng) và bên C (bà Nguyễn Song N); giá trị tài sản 2.285.903.200đ, số tiền vay 2.200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Do là khách hàng thân thiết, bà C cũng đồng ý vay 5.000.000.000đ (biên bản kiểm tra ngày 21/5/2008), nên theo chấp thuận của bà C, Ngân hàng căn cứ vào tài sản thế chấp cấp tín dụng cho bà Nguyễn Song N số tiền 5.000.000.000đ, duy nhất một hợp đồng tín dụng cho khoản vay tại Ngân hàng, thời gian vay 6 tháng. Khoản vay quá hạn, vì vậy Ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản để thu hồi nợ, việc phát mãi tài sản thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bà C và ông H đồng ý để Ngân hàng thu hồi nợ vay của bà N, đồng thời ký yêu cầu xóa thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm để bổ sung thủ tục phát mãi.

Sau khi thu hồi nợ từ tiền phát mãi tài sản, khoản vay trên vẫn còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng là 726.752.100đ.

- Bà Nguyễn Song N trình bày: Trước đây bà có làm việc tại Công ty do ông L làm giám đốc, ông Long có nói với bà đã mua căn nhà của bà C, ông H nhưng chưa sang tên. Tại thời điểm đó ông L cần tiền để đầu tư vào dự án mới, do ông L không còn hạn mức đứng tên vay tiền tại Ngân hàng nên nhờ bà đứng tên vay và ông H, bà C bảo lãnh, bà vay 5.000.000.000đ, sau đó đưa lại cho ông L. Do làm ăn thất bại, ông L đề nghị Ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà không có ý kiến, bà đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà.

- Văn phòng Công chứng H có đại diện là ông Nguyễn Giang N trình bày: Hợp đồng ủy quyền số 708 ngày 09/9/2008 được Công chứng theo đúng quy định, không có liên quan đến bà D. Văn phòng Công chứng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Ngọc D và yêu cầu độc lập của Cục thi hành án dân sự.

Buộc Ngân hàng TMCP N giao trả số tiền 2.782.810.333đ cho Cục thi hành án dân sự để thi hành Bản án dân sự số 132 ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân quận N cho bà Nguyễn Ngọc D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền số 08 ngày 09/9/2008 của nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2021, bị đơn Ngân hàng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét và đánh giá lại toàn bộ các chứng cứ trong hồ sơ một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hồ sơ thể hiện, Bà C dùng tài sản của mình bảo đảm cho bà N vay 2.200.000.000đ của Ngân hàng, do đó khi phát mãi tài sản thì số tiền thu được còn dư phải trả lại cho bà C, nhưng Ngân hàng trừ luôn vào số nợ không có bảo đảm, do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và của Cục Thi hành án dân sự là có căn cứ. Tại phiên tòa Ngân hàng kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C, ông H, Ông L, bà N tiếp tục vắng mặt, Văn phòng công chứng H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn Ngân hàng, nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà D rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu (hợp đồng ủy quyền), Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này là có căn cứ, các đương sự không kháng cáo phần này nên có hiệu lực.

Về hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2008 (Số công chứng 708, quyển số 01/2008/CC-SCC/HĐUQ), giữa bên A (ông Phạm Huy H và bà Bành Kim C) với bên B (ông Ngô Thanh L). Theo bản kết luận giám định số 222/C54-P5 ngày 11/8/2011 của Phân viện Khoa học hình sự-Tổng Cục cảnh sát hình sự PCTP kết luận: Chữ ký Bành Kim C dưới mục: “Bên ủy quyền” trên hợp đồng ủy quyền (ký hiệu A) với chữ ký Bành Kim C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1-M6 khác dạng (không đủ cơ sở kết luận do cùng một người ký hay không). Do đó không có căn cứ xác định bà Bành Kim C không ký vào hợp đồng ủy quyền, Hợp

đồng được Công chứng nên có hiệu lực, đây là chứng cứ hợp pháp theo qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc D (là người được thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2009/DSST ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều) thì Chi cục thi hành án quận N đã ban hành Quyết định số 1145/QĐ-THA ngày 11/6/2009, nội dung buộc bà Bành Kim C trả tiền cho bà Nguyễn Ngọc Dung theo Bản án của Tòa án.

Theo đề nghị của Chi cục thi hành án quận N, Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã rút hồ sơ về Cục và ra Quyết định Thi hành án số 339/QĐ-THA ngày 17/7/2009 để tiếp tục tổ chức thi hành án.

Trong quá trình tổ chức thi hành án, Cục thi hành án có làm văn bản gửi Ngân hàng vào ngày 17/8/2009 đề nghị Ngân hàng phối hợp thi hành án, nếu xác định bà Cúc chỉ vay 2,2 tỷ thì chuyển số tiền còn lại cho Cơ quan thi hành án để thi hành bản án khác mà cơ quan thi hành án đang tổ chức thi hành; tuy nhiên, qua xác minh được biết bà Cúc không còn tài sản để thi hành án nên Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định số 14/QĐ-THA ngày 27/11/2009 để trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho bà Nguyễn Ngọc Dung.

Như vậy, từ 17/7/2009 cho đến nay tài sản thế chấp không bị kê biên để đảm bảo thi hành án.

Xét trình bày của Ngân hàng:

[2.3] Ngày 22/5/2008, bà Bành Kim C, ông Phạm Huy H và Ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 60/NHNT. Nội dung của hợp đồng là ông Hoàng, bà Cúc thế chấp tài sản là quyền sử dụng 278m² đất T và 53,2m² đất CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL469744, số vào sổ H02412 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 17/12/2007 để đảm bảo nợ gốc, lãi (nếu có) theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bên A (Ngân hàng) và bên C (bà Nguyễn Song N); giá trị tài sản 2.285.903.200đ, số tiền vay 2.200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Ngân hàng cho bà Nữ vay 5.000.000.000đ, tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 60/NHNT, thời gian vay 6 tháng. Khoản vay quá hạn, vì vậy Ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

[2.4] Về thủ tục xử lý tài sản thế chấp:

- Ngày 15/5/2009 ông L đại diện bà C, ông H đồng ý để Ngân hàng đưa ra bán đấu giá tài sản đã được ông H, bà C thế chấp tại Ngân hàng để trả số nợ vay 5.000.0000.000đ

- Ngày 22/6/2009, Ngân hàng ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Cần Thơ.

Ngày 03/7/2009, bán thành công tài sản và ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, giữa: Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Cần Thơ (Người bán đấu giá) với Ngân hàng (Người có tài sản bán đấu giá) và Ông Nguyễn Minh H (Người mua được tài sản). Giá bán thành là 5.275.000.000đ.

Ngày 31/7/2009, Ngân hàng và Trung tâm bán đấu giá làm biên bản thanh lý hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản.

Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bà C và ông H đồng ý để Ngân hàng thu hồi nợ vay của bà N, đồng thời ký yêu cầu xóa thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm để bổ sung thủ tục phát mãi.

[2.5] Về thủ tục xử lý tài sản tài sản thế chấp, các đương sự cũng không tranh chấp. Bà D cho rằng, bà C chỉ bảo lãnh vay 2.200.000.000đ, do đó khi phát mãi tài sản số tiền còn dư thì phải trả lại cho bà C là 1.183.000.000đ để bà C thi hành án cho bà.

Xét thấy:

Tại hợp đồng thế chấp tài sản ngày 22/5/2008, bên thế chấp (B) đồng ý thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi phạt và phí (nếu có) theo hợp đồng tín dụng được ký giữa bên A và bên C. Mặc dù số tiền bên A cho bên C vay cao hơn tổng giá trị tài sản bảo đảm nhưng bên B không phản đối, cũng đồng ý phát mãi tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng, điều này được thể hiện tại hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2008, nội dung bên A (ông H, bà C) ủy quyền cho bên B (ông L) thực hiện nội dung ủy quyền: Được toàn quyền mua bán, tặng cho, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất sau khi trả hết nợ Ngân hàng. Phạm vi ủy quyền: Bên B được thay mặt và dưới hình thức danh nghĩa bên A làm các việc như sau: toàn quyền mua bán, tặng cho, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất mà không phải thông báo cho bên A. Tại đơn đề nghị ngày 15/5/2009 do ông L lập, xác nhận ông đại diện bà C, ông H đồng ý để Ngân hàng đưa ra bán đấu giá tài sản đã được ông H, bà C thế chấp tại Ngân hàng để trả số nợ vay 5.000.0000.000đ của bà N.

Việc bên B (bà C, ông H) tự nguyện thỏa thuận dùng tài sản của mình trị giá theo hợp đồng thế chấp 2.285.000.000đ đưa ra bán đấu giá để trả số nợ vay 5.000.000.000đ của bà N là tự nguyện, không trái quy định pháp luật.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 5 về Phương thức xử lý tài sản có quy định các phương thức xử lý, cụ thể: Hai bên phối hợp bán tài sản bảo đảm....; bên nhận thế chấp nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này. Các bên thỏa thuận được phương thức xử lý tài sản bảo đảm nên Ngân hàng không nhận tài sản bảo đảm.

Tài sản thế chấp không bị kê biên để đảm bảo thi hành án, Ngân hàng và bà C thỏa thuận xử lý tài sản trước khi có bản án của Tòa án, Ngân hàng đứng ra ủy quyền cho Trung tâm bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ theo thỏa thuận giữa các

bên, theo hợp đồng thế chấp số 60, hợp đồng cho vay bán lẻ ngày 23/5/2008, phù hợp với Điều 355, 336, 338 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 335 xử lý tài sản thế chấp qui định “...việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo Điều 336 và 338 Bộ luật này”

Điều 336 qui định “*Trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thỏa thuận thì tài sản cầm cố được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc được bán đấu giá theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ. Bên nhận cầm cố được ưu tiên thanh toán từ số tiền bán tài sản cầm cố*”.

Điều 338 qui định: “*Tiền bán tài sản cầm cố được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ cho bên nhận cầm cố...; nếu tiền bán còn thừa thì phải trả lại cho bên cầm cố; nếu tiền bán còn thiếu thì bên nhận cầm cố phải trả tiếp phần còn thiếu*”

Ngân hàng là người nhận tài sản thế chấp nên được ưu tiên thanh toán từ số tiền bán tài sản thế chấp.

Từ những căn cứ trên, thấy rằng bà Nguyễn Ngọc D khởi kiện yêu cầu Ngân hàng (người thứ 3) đang chiếm giữ của bà C số tiền 1.183.000.000đ từ tháng 10/2009 khi xử lý tài sản thế chấp của bà C và yêu cầu bồi thường thiệt hại với lãi suất 1%/tháng tính từ 05/02/2010 đến ngày 16/3/2021, là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Cục Thi hành án Dân sự đề nghị Tòa án xác định nếu có căn cứ để xác định số tiền tranh chấp là của bà C thì buộc Ngân hàng giao trả cho Cục thi hành án để đảm bảo thi hành án, yêu cầu này cũng không có căn cứ. Bởi vì, không có căn cứ để xác định Ngân hàng đang giữ tiền của bà C không có căn cứ pháp luật, bà C đã dùng tài sản bảo đảm nợ và trả nợ cho Ngân hàng trước khi có bản án của Tòa án.

Quan điểm giải quyết của án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bà D là người cao tuổi nên miễn án phí cho bà D.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu Ngân hàng giao trả số tiền gốc 1.183.000.000đ và bồi thường lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 05/02/2010 đến ngày 16/3/2021.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Cục thi hành án Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Ngọc D (người cao tuổi) nên bà Nguyễn Ngọc D được nhận lại 22.200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004649 ngày 09/02/2010 và số 002734 ngày 30/5/2011 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng không phải chịu nên Ngân hàng được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 003838 ngày 26/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành, bao gồm: Về phần đình chỉ, về chi phí giám định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- VKSND. TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quyên